

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 476/BC-BVHXXH ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện và quy định tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Về bảo hiểm y tế

a) Đảng viên có từ 30 năm tuổi Đảng trở lên, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

b) Cựu Thanh niên xung phong, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

c) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

d) Học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, học viên đang theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; học sinh, sinh viên đang theo học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Hưng Yên, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

đ) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

e) Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

g) Chức việc, chức sắc thuộc tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

h) Người khuyết tật, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

i) Người tham gia các tổ thu gom rác tại các thôn, tổ dân phố, khu phố, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh, chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

2. Về bảo hiểm xã hội tự nguyện

Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo tiêu chí chuẩn nghèo, cận nghèo do Chính phủ quy định, có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Về bảo hiểm y tế

a) Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế.

b) Các đối tượng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế ngoài mức hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

c) Các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế ngoài mức hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

2. Về bảo hiểm xã hội tự nguyện

Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ 10% mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn ngoài mức hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng hỗ trợ trong cùng thời kỳ thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Năm 2026 không thực hiện các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 276/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng người khuyết tật địa bàn tỉnh Hưng Yên;

b) Nghị quyết số 332/2020/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025;

c) Nghị quyết số 336/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025;

d) Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

đ) Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng đang cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế), Bộ Y tế (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{Htrăng}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn